

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ
thuộc lĩnh vực xây dựng trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022- 2025;

Căn cứ Văn bản số 5990/VPCP-KSTT ngày 22/8/2024 của Văn phòng Chính phủ về việc công bố, rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 99/TTr-SXD ngày 21/11/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính nội bộ lĩnh vực Xây dựng trên địa bàn tỉnh Phú Thọ (*Chi tiết theo phụ lục ban hành kèm theo*)

Điều 2. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông cập nhật, đăng tải công khai, kịp thời, đầy đủ, chính xác Quyết định công bố thủ tục hành chính, danh mục, nội dung cụ thể từng thủ tục hành chính nội bộ công bố tại Điều 1 Quyết định này trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh Phú Thọ và Trang thông tin điện tử tổng hợp của cơ quan, đơn vị theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành, thị; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định./.

CHỦ TỊCH

Bùi Văn Quang

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ LĨNH VỰC XÂY DỰNG TỈNH PHÚ THỌ
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2346/QĐ-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2024
của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ)

PHẦN 1. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Tên TTCH	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện/ Quyết định
I	Cấp tỉnh		
1	Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện.	Quy hoạch – Kiến trúc	- Sở Xây dựng/ Cơ quan đơn vị có liên quan - UBND tỉnh
2	Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện.	Quy hoạch – Kiến trúc	- Sở Xây dựng/ Cơ quan đơn vị có liên quan - UBND tỉnh
3	Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung đô thị, quy hoạch chung khu chức năng thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh.	Quy hoạch – Kiến trúc	- Sở Xây dựng/ Cơ quan đơn vị có liên quan - UBND tỉnh
4	Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chung đô thị, quy hoạch chung khu chức năng thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh.	Quy hoạch – Kiến trúc	- Sở Xây dựng/ Cơ quan đơn vị có liên quan - UBND tỉnh
5	Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch phân khu đô thị, quy hoạch phân khu khu chức năng thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh.	Quy hoạch – Kiến trúc	- Sở Xây dựng/ Cơ quan đơn vị có liên quan - UBND tỉnh
6	Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch phân khu đô thị, quy hoạch phân khu khu chức năng thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh.	Quy hoạch – Kiến trúc	- Sở Xây dựng/ Cơ quan đơn vị có liên quan - UBND tỉnh
7	Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị, nông thôn; quy hoạch chi tiết khu chức năng thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh.	Quy hoạch – Kiến trúc	- Sở Xây dựng/ Cơ quan đơn vị có liên quan - UBND tỉnh
8	Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị, nông thôn; quy hoạch chi tiết khu chức năng thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh.	Quy hoạch – Kiến trúc	- Sở Xây dựng/ Cơ quan đơn vị có liên quan - UBND tỉnh
9	Thẩm định, phê duyệt đồ án thiết kế đô thị riêng thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh.	Quy hoạch – Kiến trúc	- Sở Xây dựng/ Cơ quan đơn vị có liên quan - UBND tỉnh
10	Thẩm định, phê duyệt Quy chế quản lý kiến trúc tại các đô thị trên địa bàn tỉnh.	Quy hoạch – Kiến trúc	- Sở Xây dựng/ Cơ quan đơn vị có liên

			quan - UBND tỉnh
II	Cấp huyện		
11	Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện.	Quy hoạch – Kiến trúc	Phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện/ UBND huyện
12	Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện.	Quy hoạch – Kiến trúc	Phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện/ UBND huyện
13	Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch phân khu đô thị thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện.	Quy hoạch – Kiến trúc	Phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện/ UBND huyện
14	Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch phân khu đô thị thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện.	Quy hoạch – Kiến trúc	Phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện/ UBND huyện
15	Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị, nông thôn thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện.	Quy hoạch – Kiến trúc	Phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện/ UBND huyện
16	Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị, nông thôn thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện.	Quy hoạch – Kiến trúc	Phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện/ UBND huyện
17	Thẩm định, phê duyệt đồ án thiết kế đô thị riêng thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện.	Quy hoạch – Kiến trúc	Phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện/ UBND huyện
18	Thẩm định, phê duyệt Quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn trên địa bàn huyện.	Quy hoạch – Kiến trúc	Phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện/ UBND huyện
19	Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình (đối với các công trình xây dựng cấp III, cấp IV do UBND cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư).	Quản lý chất lượng công trình xây dựng	UBND cấp huyện

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện.

1.1. Trình tự thực hiện:

- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch gửi Hồ sơ nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện đến Sở Xây dựng.
- Sở Xây dựng tiếp nhận hồ sơ (nếu hồ sơ đầy đủ và hợp lệ). Tổ chức thẩm định, xin ý kiến của Hội đồng thẩm định nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Phú Thọ và các cơ quan, đơn vị có liên quan (nếu có) theo quy định; Ban hành thông báo kết luận của Hội đồng thẩm định gửi Cơ quan tổ chức lập quy hoạch hoàn chỉnh hồ sơ nhiệm vụ.
- Sau khi có báo cáo tiếp thu, chỉnh sửa hồ sơ của Cơ quan tổ chức lập quy hoạch, Sở Xây dựng ban hành Báo cáo kết quả thẩm định nhiệm vụ trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt.

- UBND tỉnh xem xét phê duyệt nhiệm vụ.

1.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp, trực tuyến qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh Phú Thọ.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch hoặc nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch;
- Hồ sơ nhiệm vụ quy hoạch hoặc nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch bao gồm:
 - + *Bản vẽ: Sơ đồ vị trí và mối liên hệ vùng; bản đồ ranh giới và phạm vi lập quy hoạch.*
 - + *Thuyết minh nhiệm vụ quy hoạch kèm theo bản vẽ in màu thu nhỏ; Dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch.*
 - + *Ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư có liên quan về nhiệm vụ quy hoạch.*

- Các văn bản pháp lý khác có liên quan.
- Dự thảo Quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch;
- Hồ sơ pháp nhân và hồ sơ năng lực của tổ chức tư vấn lập nhiệm vụ quy hoạch.

b) Số lượng hồ sơ trình phê duyệt: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết:

- Thời gian thẩm định: Không quá 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
- Thời gian phê duyệt: Không quá 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: UBND cấp huyện/Cơ quan được giao lập quy hoạch.

1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan tổ chức thẩm định: Sở Xây dựng
- Cơ quan phê duyệt: UBND tỉnh.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Báo cáo thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch.
- Quyết định phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch.

1.8. Phí, lệ phí: Mức phí thu theo Thông tư hướng dẫn của Bộ Xây dựng.

1.9. Tên mẫu đơn, tờ khai: Không quy định.

1.10 Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch.
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14;
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng
- Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;
- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về nội dung hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

2. Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện.

2.1. Trình tự thực hiện:

- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch gửi Hồ sơ đồ án quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện đến Sở Xây dựng.
- Sở Xây dựng tiếp nhận hồ sơ (nếu hồ sơ đầy đủ và hợp lệ). Tổ chức thẩm định, xin ý kiến của Hội đồng thẩm định nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Phú Thọ và các cơ quan, đơn vị có liên quan (nếu có) theo quy định; Ban hành thông báo kết luận của Hội đồng thẩm định gửi Cơ quan tổ chức lập quy hoạch hoàn chỉnh hồ sơ đồ án quy hoạch.
- Sau khi có báo cáo tiếp thu, chỉnh sửa hồ sơ của Cơ quan tổ chức lập quy hoạch, Sở Xây dựng ban hành Báo cáo kết quả thẩm định đồ án quy hoạch trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt.
- UBND tỉnh xem xét phê duyệt đồ án quy hoạch.

2.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp, trực tuyến qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh Phú Thọ.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch hoặc đồ án điều chỉnh quy hoạch;
- Hồ sơ đồ án quy hoạch hoặc đồ án điều chỉnh quy hoạch bao gồm:
 - + *Bản vẽ và thuyết minh quy hoạch theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng.*

+ Ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư có liên quan về nhiệm vụ quy hoạch;

+ Dự thảo Quyết định phê duyệt đồ án quy hoạch;

- Các văn bản pháp lý khác có liên quan.

- Hồ sơ pháp nhân và hồ sơ năng lực của tổ chức tư vấn lập quy hoạch; chứng chỉ hành nghề và điều kiện năng lực của chủ trì thiết kế phù hợp theo quy định.

b) Số lượng hồ sơ trình phê duyệt: 01 bộ.

2.4. Thời hạn giải quyết:

- Thời gian thẩm định: Không quá 25 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian phê duyệt: Không quá 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: UBND cấp huyện/Cơ quan được giao lập quy hoạch.

2.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan tổ chức thẩm định: Sở Xây dựng

- Cơ quan phê duyệt: UBND tỉnh.

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Báo cáo thẩm định đồ án quy hoạch, đồ án điều chỉnh quy hoạch.

- Quyết định phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch.

2.8. Phí, lệ phí: Mức phí thu theo Thông tư hướng dẫn của Bộ Xây dựng.

2.9. Tên mẫu đơn, tờ khai: Không quy định.

2.10 Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14;

- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng

- Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về nội dung hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

3. Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung đô thị, quy hoạch chung khu chức năng thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND

tỉnh.

3.1. Trình tự thực hiện:

- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch gửi Hồ sơ nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung đô thị, quy hoạch chung khu chức năng đến Sở Xây dựng.

- Sở Xây dựng tiếp nhận hồ sơ (nếu hồ sơ đầy đủ và hợp lệ). Tổ chức thẩm định, xin ý kiến của Hội đồng thẩm định nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Phú Thọ và các cơ quan, đơn vị có liên quan (nếu có) theo quy định; Ban hành thông báo kết luận của Hội đồng thẩm định gửi Cơ quan tổ chức lập quy hoạch hoàn chỉnh hồ sơ nhiệm vụ.

- Sau khi có báo cáo tiếp thu, chỉnh sửa hồ sơ của Cơ quan tổ chức lập quy hoạch, Sở Xây dựng ban hành Báo cáo kết quả thẩm định nhiệm vụ trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt.

- UBND tỉnh xem xét phê duyệt nhiệm vụ.

3.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp, trực tuyến qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh Phú Thọ.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch hoặc nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch;

- Hồ sơ nhiệm vụ quy hoạch hoặc nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch bao gồm:

+ *Bản vẽ: Sơ đồ vị trí và mối liên hệ vùng; bản đồ ranh giới, phạm vi khu vực lập quy hoạch theo quy định;*

+ *Thuyết minh nhiệm vụ quy hoạch kèm theo bản vẽ in màu thu nhỏ; Dự thảo Tờ trình phê duyệt và dự thảo Quyết định phê duyệt nhiệm vụ.*

+ *Ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư có liên quan về nhiệm vụ quy hoạch;*

+ *Dự thảo Quyết định phê duyệt nhiệm vụ;*

- Các văn bản pháp lý khác có liên quan.

- Hồ sơ pháp nhân và hồ sơ năng lực của tổ chức tư vấn lập nhiệm vụ quy hoạch.

b) Số lượng hồ sơ trình phê duyệt: 01

3.4. Thời hạn giải quyết:

- Thời gian thẩm định: Không quá 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian phê duyệt: Không quá 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: UBND huyện/Cơ quan được giao lập quy hoạch.

3.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan tổ chức thẩm định: Sở Xây dựng

- Cơ quan phê duyệt: UBND tỉnh.

3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Báo cáo thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch.

- Quyết định phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch.

3.8. Phí, lệ phí: Mức phí thu theo Thông tư hướng dẫn của Bộ Xây dựng.

3.9. Tên mẫu đơn, tờ khai: Không quy định.

3.10 Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt

nhiệm vụ quy hoạch hoặc nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch là các đồ án quy hoạch chung của thành phố, thị xã, thị trấn (từ đô thị loại II trở xuống); đô thị mới có quy mô dân số tương đương đô thị loại VI, V; các đồ án quy hoạch chung khu chức năng (có quy mô trên 500ha) trên địa bàn tỉnh.

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2010/QH12 ngày 17/6/2009;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch.
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14;
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng
- Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;
- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về nội dung hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

4. Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chung đô thị, quy hoạch chung khu chức năng thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh.

4.1. Trình tự thực hiện:

- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch gửi Hồ sơ đồ án quy hoạch, đồ án điều chỉnh quy hoạch chung đô thị, quy hoạch chung khu chức năng đến Sở Xây dựng.
- Sở Xây dựng tiếp nhận hồ sơ (nếu hồ sơ đầy đủ và hợp lệ). Tổ chức thẩm định, xin ý kiến của Hội đồng thẩm định nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Phú Thọ và các cơ quan, đơn vị có liên quan (nếu có) theo quy định; Ban hành thông báo kết luận của Hội đồng thẩm định gửi Cơ quan tổ chức lập quy hoạch hoàn chỉnh hồ sơ đồ án quy hoạch.
- Sau khi có báo cáo tiếp thu, chỉnh sửa hồ sơ của Cơ quan tổ chức lập quy hoạch, Sở Xây dựng ban hành Báo cáo kết quả thẩm định đồ án quy hoạch trình UBND tỉnh xin ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng trước khi trước khi xem xét, phê duyệt.
- UBND tỉnh xem xét phê duyệt đồ án quy hoạch.

4.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp, trực tuyến qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh Phú Thọ.

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch hoặc đồ án điều chỉnh quy hoạch;

- Hồ sơ đồ án quy hoạch (hoặc điều chỉnh quy hoạch) bao gồm:

+ *Thành phần bản vẽ và thuyết minh quy hoạch theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng;*

+ *Ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư có liên quan về đồ án quy hoạch;*

+ Dự thảo Quyết định phê duyệt đồ án quy hoạch;

- Các văn bản pháp lý khác có liên quan.

- Hồ sơ pháp nhân và hồ sơ năng lực của tổ chức tư vấn lập quy hoạch; chứng chỉ hành nghề và điều kiện năng lực của chủ trì thiết kế phù hợp theo quy định.

b) Số lượng hồ sơ trình phê duyệt: 01

4.4. Thời hạn giải quyết:

- Thời gian thẩm định: Không quá 25 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian phê duyệt: Không quá 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: UBND cấp huyện/Cơ quan được giao lập quy hoạch.

4.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan tổ chức thẩm định: Sở Xây dựng

- Cơ quan cho ý kiến thống nhất: Bộ Xây dựng

- Cơ quan phê duyệt: UBND tỉnh.

4.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Báo cáo thẩm định đồ án quy hoạch, đồ án điều chỉnh quy hoạch.

- Quyết định phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch.

4.8. Phí, lệ phí: Mức phí thu theo Thông tư hướng dẫn của Bộ Xây dựng.

4.9. Tên mẫu đơn, tờ khai: Không quy định.

4.10 Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch là các đồ án quy hoạch chung của thành phố, thị xã, thị trấn (từ đô thị loại II trở xuống); đô thị mới có quy mô dân số tương đương đô thị loại VI, V; các đồ án quy hoạch chung khu chức năng (*có quy mô trên 500ha*) trên địa bàn tỉnh.

4.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2010/QH12 ngày 17/6/2009;

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14;

- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê

duyet và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng

- Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;
- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về nội dung hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

5. Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch phân khu đô thị, quy hoạch phân khu chức năng thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh.

5.1. Trình tự thực hiện:

- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch gửi Hồ sơ nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch phân khu đô thị, quy hoạch phân khu chức năng đến Sở Xây dựng.
- Sở Xây dựng tiếp nhận hồ sơ (nếu hồ sơ đầy đủ và hợp lệ). Tổ chức thẩm định, xin ý kiến của Hội đồng thẩm định nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Phú Thọ và các cơ quan, đơn vị có liên quan (nếu có) theo quy định; Ban hành thông báo kết luận của Hội đồng thẩm định Cơ quan tổ chức lập quy hoạch hoàn chỉnh hồ sơ nhiệm vụ.
- Sau khi có báo cáo tiếp thu, chỉnh sửa hồ sơ của Cơ quan tổ chức lập quy hoạch, Sở Xây dựng ban hành Báo cáo kết quả thẩm định nhiệm vụ trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt.

- UBND tỉnh xem xét phê duyệt nhiệm vụ.

5.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch hoặc nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch;
- Hồ sơ nhiệm vụ quy hoạch hoặc nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch bao gồm:
 - + *Bản vẽ: Sơ đồ vị trí khu vực quy hoạch; Bản đồ xác định ranh giới nghiên cứu, phạm vi khu vực lập quy hoạch phân khu theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng;*
 - + *Thuyết minh nhiệm vụ quy hoạch kèm theo bản vẽ in màu thu nhỏ;*
 - + *Dự thảo Quyết định phê duyệt nhiệm vụ.*
 - + *Ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư có liên quan về nhiệm vụ quy hoạch.*
- Các văn bản pháp lý khác có liên quan.
- Hồ sơ pháp nhân và hồ sơ năng lực của tổ chức tư vấn lập nhiệm vụ quy hoạch.

b) Số lượng hồ sơ trình phê duyệt: 01 bộ.

5.4. Thời hạn giải quyết:

- Thời gian thẩm định nhiệm vụ đồ án quy hoạch phân khu đối với các khu vực trong đô thị trong thời hạn 20 ngày, thời gian phê duyệt không quá không quá 15 ngày,

kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian thẩm định nhiệm vụ đồ án quy hoạch phân khu đối với các khu chức năng trong thời hạn 15 ngày, thời gian phê duyệt không quá 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: UBND cấp huyện/Cơ quan, đơn vị được UBND giao lập quy hoạch.

5.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan tổ chức thẩm định: Sở Xây dựng
- Cơ quan phê duyệt: UBND tỉnh.

5.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Báo cáo thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch.
- Quyết định phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch.

5.8. Phí, lệ phí: Mức phí thu theo Thông tư hướng dẫn của Bộ Xây dựng.

5.9. Tên mẫu đơn, tờ khai: Không quy định.

5.10 Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Hồ sơ nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch trình thẩm định, phê duyệt là các đồ án quy hoạch phân khu tại các khu vực trong đô thị thuộc đô thị loại I (thành phố Việt Trì); đồ án quy hoạch phân khu chức năng có phạm vi liên quan đến địa giới hành chính của hai huyện trở lên, khu vực có ý nghĩa quan trọng do UBND tỉnh quy định.

5.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2010/QH12 ngày 17/6/2009;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch.
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14;
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng
- Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;
- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về nội dung hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

6. Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch phân khu đô thị, quy hoạch phân khu chức năng thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND

tỉnh.

6.1. Trình tự thực hiện:

- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch gửi Hồ sơ đồ án quy hoạch phân khu đô thị, quy hoạch phân khu chức năng đề nghị thẩm định đến Sở Xây dựng
- Sở Xây dựng tiếp nhận hồ sơ (nếu hồ sơ đầy đủ và hợp lệ). Tổ chức thẩm định, xin ý kiến của Hội đồng thẩm định nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Phú Thọ và các cơ quan, đơn vị có liên quan (nếu có) theo quy định; Ban hành thông báo kết luận của Hội đồng thẩm định gửi Cơ quan tổ chức lập quy hoạch hoàn chỉnh hồ sơ đồ án quy hoạch.
- Sau khi có báo cáo tiếp thu, chỉnh sửa hồ sơ của Cơ quan tổ chức lập quy hoạch, Sở Xây dựng ban hành Báo cáo kết quả thẩm định đồ án quy hoạch trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt.

- UBND tỉnh xem xét phê duyệt đồ án quy hoạch.

6.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp, trực tuyến qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh Phú Thọ.

6.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch hoặc đồ án điều chỉnh quy hoạch;
- Hồ sơ đồ án quy hoạch hoặc điều chỉnh quy hoạch bao gồm:
 - + *Bản vẽ và thuyết minh quy hoạch theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng.*
 - + *Ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư có liên quan về đồ án quy hoạch.*
 - + *Dự thảo Quyết định phê duyệt đồ án quy hoạch;*
- Các văn bản pháp lý khác có liên quan.
- Hồ sơ pháp nhân và hồ sơ năng lực của tổ chức tư vấn lập quy hoạch; chứng chỉ hành nghề và điều kiện năng lực của chủ trì thiết kế phù hợp theo quy định.

b) Số lượng hồ sơ trình thẩm định: 01 bộ

6.4. Thời hạn giải quyết:

- Thời gian thẩm định: Không quá 25 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
- Thời gian phê duyệt: Không quá 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

6.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: UBND cấp huyện/Cơ quan được giao lập quy hoạch.

6.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan tổ chức thẩm định: Sở Xây dựng
- Cơ quan phê duyệt: UBND tỉnh.

6.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Báo cáo thẩm định đồ án quy hoạch, đồ án điều chỉnh quy hoạch.
- Quyết định phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch.

6.8. Phí, lệ phí: Mức phí thu theo Thông tư hướng dẫn của Bộ Xây dựng.

6.9. Tên mẫu đơn, tờ khai: Không quy định.

6.10 Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch hoặc điều chỉnh quy hoạch phân khu thuộc các khu vực trong đô thị là đô thị loại I; đồ án quy hoạch phân khu chức năng trên địa bàn tỉnh.

6.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2010/QH12 ngày 17/6/2009;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch.
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14;
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng
- Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;
- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về nội dung hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

7. Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị, nông thôn; quy hoạch chi tiết khu chức năng thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh.

7.1. Trình tự thực hiện:

- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch gửi Hồ sơ nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị, quy hoạch chi tiết khu chức năng đến Sở Xây dựng.
- Sở Xây dựng tiếp nhận hồ sơ (nếu hồ sơ đầy đủ và hợp lệ). Tổ chức thẩm định, xin ý kiến của các cơ quan, đơn vị có liên quan (nếu có) theo quy định; tổng hợp ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị có liên quan gửi Cơ quan tổ chức lập hồ sơ nhiệm vụ quy hoạch hoàn chỉnh hồ sơ nhiệm vụ quy hoạch.
- Sau khi có báo cáo tiếp thu, chỉnh sửa hồ sơ của Cơ quan tổ chức lập nhiệm vụ quy hoạch, Sở Xây dựng ban hành Báo cáo kết quả thẩm định nhiệm vụ trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt.
- UBND tỉnh xem xét phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch.

7.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp, trực tuyến qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh Phú Thọ.

7.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch hoặc nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch;
- Hồ sơ nhiệm vụ quy hoạch hoặc nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch bao gồm:
 - + *Bản vẽ: Sơ đồ vị trí khu vực quy hoạch; Bản đồ ranh giới, phạm vi nghiên*

cứu, quy mô khu vực lập quy hoạch.

+ *Thuyết minh nhiệm vụ quy hoạch kèm theo bản vẽ in màu thu nhỏ; Dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định phê duyệt nhiệm vụ.*

+ *Ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư có liên quan về nhiệm vụ quy hoạch.*

+ Dự thảo Quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch;

- Các văn bản pháp lý khác có liên quan.

- Hồ sơ pháp nhân và hồ sơ năng lực của tổ chức tư vấn lập nhiệm vụ quy hoạch.

b) Số lượng hồ sơ trình phê duyệt: 01 bộ

7.4. Thời hạn giải quyết:

- Thời gian thẩm định nhiệm vụ đồ án quy hoạch chi tiết tại các khu vực đô thị trong thời hạn 20 ngày, thời gian phê duyệt không quá không quá 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian thẩm định nhiệm vụ đồ án quy hoạch chi tiết tại khu chức năng, các khu vực tại nông thôn trong thời hạn 15 ngày, thời gian phê duyệt không quá Không quá 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

7.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: UBND cấp huyện/cơ quan, đơn vị được UBND giao lập quy hoạch.

7.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan tổ chức thẩm định: Sở Xây dựng

- Cơ quan phê duyệt: UBND tỉnh.

7.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Báo cáo thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch.

- Quyết định phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch.

7.8. Phí, lệ phí: Mức phí thu theo Thông tư hướng dẫn của Bộ Xây dựng.

7.9. Tên mẫu đơn, tờ khai: Không quy định.

7.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Hồ sơ nhiệm vụ quy hoạch hoặc nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch trình thẩm định, phê duyệt là các đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 tại các khu vực trong đô thị, nông thôn, khu chức năng có phạm vi liên quan đến địa giới hành chính của hai huyện trở lên, khu vực có ý nghĩa quan trọng do UBND tỉnh quy định; khu vực trong đô thị mới.

7.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2010/QH12 ngày 17/6/2009;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch 2018 ngày 20/11/2018;

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14;

- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

- Nghị định số 72/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 Quy định về nội dung hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

8. Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị, nông thôn; quy hoạch chi tiết khu chức năng thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh.

8.1. Trình tự thực hiện:

- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch gửi Hồ sơ đồ án quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị, nông thôn; quy hoạch chi tiết khu chức năng đến Sở Xây dựng.

- Sở Xây dựng tiếp nhận hồ sơ (nếu hồ sơ đầy đủ và hợp lệ). Tổ chức thẩm định, xin ý kiến của các cơ quan, đơn vị có liên quan (nếu có) theo quy định; tổng hợp ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị có liên quan gửi Cơ quan tổ chức lập đồ án quy hoạch.

- Sau khi có báo cáo tiếp thu, chỉnh sửa hồ sơ của Cơ quan tổ chức lập quy hoạch, Sở Xây dựng ban hành Báo cáo kết quả thẩm định trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt.

- UBND tỉnh xem xét phê duyệt đồ án quy hoạch.

8.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp, trực tuyến qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh Phú Thọ.

8.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình đề nghị thẩm định đồ án quy hoạch (hoặc điều chỉnh quy hoạch);

- Hồ sơ đồ án quy hoạch (hoặc điều chỉnh quy hoạch) bao gồm:

+ *Thành phần bản vẽ và thuyết minh đồ án quy hoạch theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng;*

+ *Ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư có liên quan về đồ án quy hoạch.*

+ *Dự thảo Quyết định phê duyệt đồ án quy hoạch;*

- Các văn bản pháp lý khác có liên quan.

- Hồ sơ pháp nhân và hồ sơ năng lực của tổ chức tư vấn lập quy hoạch; chứng chỉ hành nghề và điều kiện năng lực của chủ trì thiết kế phù hợp theo quy định.

- Số lượng hồ sơ trình thẩm định: 01 bộ để xác định tính hợp lệ và số lượng hồ sơ bổ sung theo yêu cầu trong quá trình thẩm định.

b) Số lượng hồ sơ phê duyệt: 01 bộ.

8.4. Thời hạn giải quyết:

- Thời gian thẩm định: Trong thời hạn 25 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian phê duyệt: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

8.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: UBND cấp huyện/Cơ quan được giao lập quy hoạch.

8.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan tổ chức thẩm định: Sở Xây dựng

- Cơ quan phê duyệt: UBND tỉnh.

8.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Báo cáo thẩm định đồ án quy hoạch, đồ án điều chỉnh quy hoạch.
- Quyết định phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch.

8.8. Phí, lệ phí: Mức phí thu theo Thông tư hướng dẫn của Bộ Xây dựng.

8.9. Tên mẫu đơn, tờ khai: Không quy định.

8.10 Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Hồ sơ đồ án quy hoạch hoặc điều chỉnh quy hoạch trình thẩm định, phê duyệt là các đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 tại các khu vực trong đô thị, nông thôn, khu chức năng có phạm vi liên quan đến địa giới hành chính của hai huyện trở lên; khu vực có ý nghĩa quan trọng do UBND tỉnh quy định; khu vực trong đô thị mới.

8.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2010/QH12 ngày 17/6/2009;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch 2018 ngày 20/11/2018;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14;
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Nghị định số 72/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 Quy định về nội dung hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

9. Thẩm định, phê duyệt đồ án thiết kế đô thị riêng thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh

9.1. Trình tự thực hiện:

- Cơ quan tổ chức lập đồ án thiết kế đô thị riêng gửi hồ sơ đến Sở Xây dựng.
- Sở Xây dựng tiếp nhận hồ sơ (nếu hồ sơ đầy đủ và hợp lệ). Tổ chức thẩm định, xin ý kiến của các cơ quan, đơn vị có liên quan (nếu có) theo quy định; tổng hợp ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị có liên quan gửi Cơ quan tổ chức lập đồ án quy hoạch.
- Sau khi có báo cáo tiếp thu, chỉnh sửa hồ sơ của Cơ quan tổ chức lập đồ án thiết kế đô thị riêng, Sở Xây dựng ban hành Báo cáo kết quả thẩm định trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt.
- UBND tỉnh xem xét phê duyệt.

9.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp, trực tuyến qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh Phú Thọ.

9.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt đồ án thiết kế đô thị;
- Hồ sơ đồ án bao gồm:
 - + *Thành phần bản vẽ và thuyết minh đồ án thiết kế đô thị riêng*
 - + *Ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư có liên quan về đồ án thiết kế đô thị.*
 - + *Dự thảo Quyết định phê duyệt đồ án thiết kế đô thị;*
- Các văn bản pháp lý khác có liên quan.
- Hồ sơ pháp nhân và hồ sơ năng lực của tổ chức tư vấn lập quy hoạch; chứng chỉ hành nghề và điều kiện năng lực của chủ trì thiết kế phù hợp theo quy định.
- Số lượng hồ sơ trình thẩm định: 01 bộ để xác định tính hợp lệ và số lượng hồ sơ bổ sung theo yêu cầu trong quá trình thẩm định.

b) Số lượng hồ sơ phê duyệt: 01 bộ.

9.4. Thời hạn giải quyết:

- Thời gian thẩm định đồ án thiết kế đô thị riêng: Không quá 25 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
- Thời gian phê duyệt: Không quá 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

9.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: UBND cấp huyện/Cơ quan được giao lập quy hoạch.

9.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan tổ chức thẩm định: Sở Xây dựng
- Cơ quan phê duyệt: UBND tỉnh.

9.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Báo cáo thẩm định đồ án thiết kế đô thị riêng.
- Quyết định phê duyệt đồ án thiết kế đô thị riêng

9.8. Phí, lệ phí: Mức phí thu theo Thông tư hướng dẫn của Bộ Xây dựng.

9.9. Tên mẫu đơn, tờ khai: Không quy định.

9.10 Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Hồ sơ đồ án thiết kế đô thị riêng trình thẩm định, phê duyệt là các khu vực trong đô thị, có phạm vi liên quan đến địa giới hành chính của hai đơn vị cấp huyện trở lên; khu vực có ý nghĩa quan trọng trong đô thị do UBND tỉnh quy định; khu vực trong đô thị mới.

9.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2010/QH12 ngày 17/6/2009;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch 2018 ngày 20/11/2018;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14;
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;
- Thông tư 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung thiết kế đô thị.
- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 Quy định về nội dung hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch

nông thôn.

10. Thẩm định, phê duyệt Quy chế quản lý kiến trúc tại các đô thị trên địa bàn tỉnh.

10.1. Trình tự thực hiện:

- Cơ quan tổ chức lập Quy chế quản lý kiến trúc gửi hồ sơ đến Sở Xây dựng.
- Sở Xây dựng tiếp nhận hồ sơ (nếu hồ sơ đầy đủ và hợp lệ). Tổ chức thẩm định, xin ý kiến của các cơ quan, đơn vị có liên quan (nếu có) theo quy định; tổng hợp ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị có liên quan gửi Cơ quan tổ chức lập đồ án quy hoạch.

- Sau khi có báo cáo tiếp thu, chỉnh sửa hồ sơ của Cơ quan tổ chức lập đồ án thiết kế đô thị riêng, Sở Xây dựng ban hành Báo cáo kết quả thẩm định trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt.

- UBND tỉnh xem xét phê duyệt.

10.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp, trực tuyến qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh Phú Thọ.

10.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt Quy chế quản lý kiến trúc đô thị;
- Dự thảo Quy chế quản lý kiến trúc đô thị theo quy định;
- Ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư có liên quan về quy chế quản lý kiến trúc; báo cáo tổng hợp giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý;
- Các văn bản pháp lý khác có liên quan.
- Hồ sơ pháp nhân và hồ sơ năng lực của tổ chức tư vấn lập quy chế quản lý kiến trúc.

- Số lượng hồ sơ trình thẩm định: 01 bộ để xác định tính hợp lệ và số lượng hồ sơ bổ sung theo yêu cầu trong quá trình thẩm định.

- Dự thảo quyết định phê duyệt quy chế quản lý kiến trúc

10.4. Thời hạn giải quyết:

- Thời gian thẩm định: Không quá không quá 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian phê duyệt: Không quá không quá 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

10.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: UBND cấp huyện.

10.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan tổ chức thẩm định: Sở Xây dựng

- Cơ quan phê duyệt: UBND tỉnh.

10.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Báo cáo thẩm định Quy chế quản lý kiến trúc.

- Quyết định phê duyệt Quy chế quản lý kiến trúc.

10.8. Phí, lệ phí: Mức phí thu theo Thông tư hướng dẫn của Bộ Xây dựng.

10.9. Tên mẫu đơn, tờ khai: Không quy định.

10.10 Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

10.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Căn cứ Luật Kiến trúc ngày 13 tháng 6 năm 2019;

- Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020.

11. Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện.

11.1. Trình tự thực hiện:

- Cơ quan tổ chức lập nhiệm vụ hoặc nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung xã gửi Hồ sơ đề nghị thẩm định về UBND huyện.

- UBND huyện tiếp nhận hồ sơ (nếu hồ sơ đầy đủ và hợp lệ), tổ chức thẩm định, xin ý kiến Sở Xây dựng và cơ quan, đơn vị có liên quan (nếu cần thiết) theo quy định. Tổng hợp ý kiến thẩm định, gửi Cơ quan tổ chức lập nhiệm vụ quy hoạch hoàn chỉnh hồ sơ quy hoạch.

- Sau khi có báo cáo tiếp thu, chỉnh sửa hồ sơ của Cơ quan tổ chức lập nhiệm vụ quy hoạch, phòng chuyên môn tổ chức thẩm định ban hành Báo cáo kết quả thẩm định đồ án quy hoạch trình Lãnh đạo UBND huyện xem xét phê duyệt.

11.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp, trực tuyến qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh Phú Thọ.

11.3. Thành phần, số lượng hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt:

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình đề nghị thẩm định nhiệm vụ quy hoạch;

- Hồ sơ nhiệm vụ quy hoạch hoặc nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch bao gồm:

+ *Thành phần bản vẽ và nội dung thuyết minh nhiệm vụ quy hoạch theo của Bộ Xây dựng.*

+ *Ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư có liên quan về đồ án.*

+ *Dự thảo Quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch của UBND huyện.*

- Các văn bản pháp lý khác có liên quan.

- Hồ sơ pháp nhân và hồ sơ năng lực của tổ chức tư vấn lập quy hoạch;

b) Số lượng hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt: 01 bộ

11.4. Thời hạn giải quyết:

- Thời gian thẩm định: Không quá 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian phê duyệt: Không quá 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

11.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: UBND xã.

11.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan tổ chức thẩm định: phòng chuyên môn thuộc UBND huyện;

- Cơ quan cho ý kiến thống nhất: Sở Xây dựng.

- Cơ quan phê duyệt: UBND huyện

11.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt đồ án quy hoạch chung xây dựng xã.

11.8. Phí, lệ phí: Mức phí thu theo Thông tư hướng dẫn của Bộ Xây dựng.

11.9. Tên mẫu đơn, tờ khai: Không quy định.

11.10 Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có

11.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14;
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Nghị định số 72/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng.
- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 Quy định về nội dung hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

12. Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện.

12.1. Trình tự thực hiện:

- Cơ quan tổ chức lập đồ án hoặc đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xã gửi Hồ sơ đề nghị thẩm định về UBND huyện.
- UBND huyện tiếp nhận hồ sơ (nếu hồ sơ đầy đủ và hợp lệ), tổ chức thẩm định, xin ý kiến Sở Xây dựng và cơ quan, đơn vị có liên quan (nếu cần thiết) theo quy định. Tổng hợp ý kiến thẩm định, gửi Cơ quan tổ chức lập quy hoạch hoàn chỉnh hồ sơ đồ án quy hoạch.
- Sau khi có báo cáo tiếp thu, chỉnh sửa hồ sơ của Cơ quan tổ chức lập quy hoạch, phòng chuyên môn tổ chức thẩm định ban hành Báo cáo kết quả thẩm định đồ án quy hoạch trình Lãnh đạo UBND huyện xem xét phê duyệt.

12.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp, trực tuyến qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh Phú Thọ.

12.3. Thành phần, số lượng hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt:

- a) Thành phần hồ sơ:
 - Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch;
 - Hồ sơ đồ án quy hoạch hoặc điều chỉnh quy hoạch bao gồm:
 - + *Thành phần bản vẽ và nội dung thuyết minh đồ án quy hoạch theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng.*
 - + *Ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư có liên quan về đồ án.*
 - + *Dự thảo Quyết định phê duyệt đồ án quy hoạch chung xây dựng xã;*
 - Các văn bản pháp lý khác có liên quan.
 - Hồ sơ pháp nhân và hồ sơ năng lực của tổ chức tư vấn lập quy hoạch; chứng chỉ hành nghề và điều kiện năng lực của chủ trì thiết kế phù hợp theo quy định.
- b) Số lượng hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt: 01.

12.4. Thời hạn giải quyết:

- Thời gian thẩm định: Không quá 20 ngày; kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
- Thời gian phê duyệt: Không quá 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

12.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: UBND cấp xã.

12.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan tổ chức thẩm định: phòng chuyên môn thuộc UBND huyện;
- Cơ quan cho ý kiến thống nhất: Sở Xây dựng.
- Cơ quan phê duyệt: UBND cấp huyện.

12.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt đồ án quy hoạch.

12.8. Phí, lệ phí: Mức phí thu theo Thông tư hướng dẫn của Bộ Xây dựng.

12.9. Tên mẫu đơn, tờ khai: Không quy định.

12.10 Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: không có

12.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14;
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Nghị định số 72/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng.
- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 Quy định về nội dung hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

13. Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch phân khu đô thị thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện.

13.1. Trình tự thực hiện:

- Cơ quan tổ chức lập nhiệm vụ hoặc nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch phân khu đô thị gửi Hồ sơ đề nghị thẩm định về UBND cấp huyện.
- UBND cấp huyện tiếp nhận hồ sơ (nếu hồ sơ đầy đủ và hợp lệ), tổ chức thẩm định, xin ý kiến Sở Xây dựng và cơ quan, đơn vị có liên quan (nếu cần thiết) theo quy định. Tổng hợp ý kiến thẩm định, gửi Cơ quan tổ chức lập nhiệm vụ quy hoạch hoàn chỉnh hồ sơ quy hoạch.
- Sau khi có báo cáo tiếp thu, chỉnh sửa hồ sơ của Cơ quan tổ chức lập nhiệm vụ quy hoạch, phòng chuyên môn tổ chức thẩm định ban hành Báo cáo kết quả thẩm định đồ án quy hoạch trình Lãnh đạo UBND huyện xem xét phê duyệt.

13.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp, trực tuyến qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành của tỉnh Phú Thọ.

13.3. Thành phần, số lượng hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt:

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch;
- Hồ sơ nhiệm vụ quy hoạch hoặc nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch bao gồm:
 - + Thành phần bản vẽ và nội dung thuyết minh nhiệm vụ quy hoạch theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng.

+ Ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư có liên quan về đồ án.

+ Dự thảo Quyết định phê duyệt của UBND huyện.

- Các văn bản pháp lý khác có liên quan.

- Hồ sơ pháp nhân và hồ sơ năng lực của tổ chức tư vấn lập quy hoạch;

b) Số lượng hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt: 01 bộ

13.4. Thời hạn giải quyết:

- Thời gian thẩm định: Không quá 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian phê duyệt: Không quá 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

13.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: UBND cấp xã.

13.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan tổ chức thẩm định: phòng chuyên môn thuộc UBND thành phố, thị xã (từ đô thị loại II trở xuống);

- Cơ quan cho ý kiến thống nhất: Sở Xây dựng.

- Cơ quan phê duyệt: UBND thành phố, thị xã (từ đô thị loại II trở xuống).

13.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch.

13.8. Phí, lệ phí: Mức phí thu theo Thông tư hướng dẫn của Bộ Xây dựng.

13.9. Tên mẫu đơn, tờ khai: Không quy định.

13.10 Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Nhiệm vụ quy hoạch hoặc điều chỉnh quy hoạch phân khu thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện là các khu vực lập quy hoạch phân khu tại thành phố, thị xã (từ đô thị loại II trở xuống) và không thuộc trường hợp quy định của UBND tỉnh.

13.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2010/QH12 ngày 17/6/2009;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch 2018 ngày 20/11/2018;

- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

- Nghị định số 72/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

- Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng.

- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 Quy định về nội dung hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

14. Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch phân khu đô thị thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện.

14.1. Trình tự thực hiện:

- Cơ quan tổ chức lập đề án hoặc đề án điều chỉnh quy hoạch phân khu đô thị gửi Hồ sơ đề nghị thẩm định về UBND cấp huyện.

- UBND cấp huyện tiếp nhận hồ sơ (nếu hồ sơ đầy đủ và hợp lệ), tổ chức thẩm định, xin ý kiến Sở Xây dựng và cơ quan, đơn vị có liên quan (nếu cần thiết) theo quy định. Tổng hợp ý kiến thẩm định, gửi Cơ quan tổ chức lập quy hoạch hoàn chỉnh hồ sơ quy hoạch.

- Sau khi có báo cáo tiếp thu, chỉnh sửa hồ sơ của Cơ quan tổ chức lập quy hoạch, phòng chuyên môn tổ chức thẩm định ban hành Báo cáo kết quả thẩm định đề án quy hoạch trình Lãnh đạo UBND huyện xem xét phê duyệt.

14.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp, trực tuyến qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành của tỉnh Phú Thọ.

14.3. Thành phần, số lượng hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt:

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình đề nghị thẩm định đề án quy hoạch;

- Hồ sơ đề án quy hoạch hoặc điều chỉnh quy hoạch bao gồm:

+ *Thành phần bản vẽ và nội dung thuyết minh nhiệm vụ quy hoạch theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng.*

+ *Ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư có liên quan về đề án.*

+ *Dự thảo Quyết định phê duyệt đề án quy hoạch;*

- Các văn bản pháp lý khác có liên quan.

- Hồ sơ pháp nhân và hồ sơ năng lực của tổ chức tư vấn lập quy hoạch; chứng chỉ hành nghề và điều kiện năng lực của chủ trì thiết kế phù hợp theo quy định.

b) Số lượng hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt: 01 bộ

14.4. Thời hạn giải quyết:

- Thời gian thẩm định: Không quá 25 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian phê duyệt: Không quá 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

14.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: UBND cấp xã.

14.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan tổ chức thẩm định: phòng chuyên môn thuộc UBND thành phố, thị xã (từ đô thị loại II trở xuống);

- Cơ quan cho ý kiến thống nhất: Sở Xây dựng.

- Cơ quan phê duyệt: UBND thành phố, thị xã (từ đô thị loại II trở xuống)

14.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt đề án quy hoạch.

14.8. Phí, lệ phí: Mức phí thu theo Thông tư hướng dẫn của Bộ Xây dựng.

14.9. Tên mẫu đơn, tờ khai: Không quy định.

14.10 Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Đề án quy hoạch hoặc đề án điều chỉnh quy hoạch phân khu thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện là các khu vực lập quy hoạch phân khu tại thành phố, thị xã (từ đô thị loại II trở xuống) và không thuộc trường hợp quy định của UBND tỉnh.

14.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2010/QH12 ngày 17/6/2009;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch

2018 ngày 20/11/2018;

- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

- Nghị định số 72/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 Quy định về nội dung hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

15. Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị, nông thôn thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện.

15.1. Trình tự thực hiện:

- Cơ quan tổ chức lập nhiệm vụ hoặc nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị, nông thôn gửi Hồ sơ đề nghị thẩm định về UBND cấp huyện.

- UBND cấp huyện tiếp nhận hồ sơ (nếu hồ sơ đầy đủ và hợp lệ), tổ chức thẩm định, xin ý kiến Sở Xây dựng và cơ quan, đơn vị có liên quan (nếu cần thiết) theo quy định. Tổng hợp ý kiến thẩm định, gửi Cơ quan tổ chức lập nhiệm vụ quy hoạch hoàn chỉnh hồ sơ quy hoạch.

- Sau khi có báo cáo tiếp thu, chỉnh sửa hồ sơ của Cơ quan tổ chức lập nhiệm vụ quy hoạch, phòng chuyên môn tổ chức thẩm định ban hành Báo cáo kết quả thẩm định nhiệm vụ quy hoạch trình Lãnh đạo UBND cấp huyện xem xét phê duyệt.

15.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp, trực tuyến qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành của tỉnh Phú Thọ.

15.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình đề nghị thẩm định nhiệm vụ quy hoạch;

- Hồ sơ nhiệm vụ quy hoạch (hoặc điều chỉnh quy hoạch) bao gồm:

- + *Thành phần bản vẽ và nội dung thuyết minh nhiệm vụ quy hoạch theo quy định Bộ Xây dựng.*

- + *Ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư có liên quan về đồ án.*

- + *Dự thảo Quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch.*

- Các văn bản pháp lý khác có liên quan.

- Hồ sơ pháp nhân và hồ sơ năng lực của tổ chức tư vấn lập quy hoạch;

b) Số lượng hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt: 01 bộ.

15.4. Thời hạn giải quyết:

- Thời gian thẩm định: Không quá 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian phê duyệt: Không quá 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

15.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: UBND cấp xã/cơ quan, đơn vị

được giao lập quy hoạch.

15.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan tổ chức thẩm định: phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện.
- Cơ quan cho ý kiến thống nhất: Sở Xây dựng.
- Cơ quan phê duyệt: UBND cấp huyện

15.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch.

15.8. Phí, lệ phí: Mức phí thu theo Thông tư hướng dẫn của Bộ Xây dựng.

15.9. Tên mẫu đơn, tờ khai: Không quy định.

15.10 Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Hồ sơ nhiệm vụ quy hoạch chi tiết trình UBND huyện thẩm định, phê duyệt là toàn bộ các đồ án quy hoạch chi tiết trên địa bàn huyện, thành thị; trừ các trường hợp do UBND tỉnh quy định.

15.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2010/QH12 ngày 17/6/2009;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch 2018 ngày 20/11/2018;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14;
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Nghị định số 72/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng.
- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 Quy định về nội dung hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô

16. Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị, nông thôn thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện.

16.1. Trình tự thực hiện:

- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch hoặc điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị, nông thôn gửi Hồ sơ đề nghị thẩm định về UBND cấp huyện.
- UBND cấp huyện tiếp nhận hồ sơ (nếu hồ sơ đầy đủ và hợp lệ), tổ chức thẩm định, xin ý kiến Sở Xây dựng và cơ quan, đơn vị có liên quan (nếu cần thiết) theo quy định. Tổng hợp ý kiến thẩm định, gửi Cơ quan tổ chức lập quy hoạch hoàn chỉnh hồ sơ quy hoạch.
- Sau khi có báo cáo tiếp thu, chỉnh sửa hồ sơ của Cơ quan tổ chức lập quy hoạch, phòng chuyên môn tổ chức thẩm định ban hành Báo cáo kết quả thẩm định nhiệm vụ quy hoạch trình Lãnh đạo UBND cấp huyện xem xét phê duyệt.

16.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp, trực tuyến qua hệ thống quản lý văn bản

và điều hành của tỉnh Phú Thọ.

16.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch;
- Hồ sơ đồ án quy hoạch (hoặc điều chỉnh quy hoạch) bao gồm:
 - + *Thành phần bản vẽ và nội dung thuyết minh nhiệm vụ quy hoạch theo quy định của Bộ Xây dựng.*
 - + *Ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư có liên quan về đồ án.*

+ *Dự thảo Quyết định phê duyệt đồ án quy hoạch.*

- Các văn bản pháp lý khác có liên quan.
- Hồ sơ pháp nhân và hồ sơ năng lực của tổ chức tư vấn lập quy hoạch; chứng chỉ hành nghề và điều kiện năng lực của chủ trì thiết kế phù hợp theo quy định.
- Số lượng hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt: 01 bộ.

16.4. Thời hạn giải quyết:

- Thời gian thẩm định: Không quá 25 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
- Thời gian phê duyệt: Không quá 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

16.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: UBND cấp xã/cơ quan, đơn vị được giao lập quy hoạch.

15.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan tổ chức thẩm định: phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện.
- Cơ quan cho ý kiến thống nhất: Sở Xây dựng.
- Cơ quan phê duyệt: UBND cấp huyện.

16.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt đồ án quy hoạch.

16.8. Phí, lệ phí: Mức phí thu theo Thông tư hướng dẫn của Bộ Xây dựng.

16.9. Tên mẫu đơn, tờ khai: Không quy định.

16.10 Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Đồ án quy hoạch hoặc đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết trình thẩm định, phê duyệt là các đồ án tại thành phố, thị xã (từ đô thị loại II trở xuống), các khu vực nông thôn trên địa bàn các huyện và không thuộc trường hợp quy định của UBND tỉnh.

16.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2010/QH12 ngày 17/6/2009;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch 2018 ngày 20/11/2018;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14;
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Nghị định số 72/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015

quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

- Thông tư số 35/2023/TT-BTC ngày 31/5/2023 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính quy định;

- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 Quy định về nội dung hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

17. Thẩm định, phê duyệt đồ án thiết kế đô thị riêng thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện.

17.1. Trình tự thực hiện:

- Cơ quan tổ chức lập đồ án thiết kế đô thị riêng gửi Hồ sơ đề nghị thẩm định về UBND cấp huyện.

- UBND cấp huyện tiếp nhận hồ sơ (nếu hồ sơ đầy đủ và hợp lệ), tổ chức thẩm định, xin ý kiến Sở Xây dựng và cơ quan, đơn vị có liên quan (nếu cần thiết) theo quy định. Tổng hợp ý kiến thẩm định, gửi Cơ quan tổ chức lập đồ án hoàn chỉnh hồ sơ quy hoạch.

- Sau khi có báo cáo tiếp thu, chỉnh sửa hồ sơ của Cơ quan tổ chức lập quy hoạch, phòng chuyên môn tổ chức thẩm định ban hành Báo cáo kết quả thẩm định đồ án thiết kế đô thị riêng trình Lãnh đạo UBND cấp huyện xem xét phê duyệt.

17.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp, trực tuyến qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành của tỉnh Phú Thọ.

17.3. Thành phần, số lượng hồ sơ trình thẩm định:

- Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt đồ án thiết kế đô thị riêng;
- Hồ sơ đồ án thiết kế đô thị riêng bao gồm:
 - + Thành phần bản vẽ và thuyết minh quy hoạch theo quy định
 - + Ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư có liên quan về đồ án thiết kế đô thị.
 - + Dự thảo Quyết định phê duyệt đồ án thiết kế đô thị riêng;
- Các văn bản pháp lý khác có liên quan.
- Hồ sơ pháp nhân và hồ sơ năng lực của tổ chức tư vấn lập quy hoạch; chứng chỉ hành nghề và điều kiện năng lực của chủ trì thiết kế phù hợp theo quy định.
- Số lượng hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt: 01 bộ

17.4. Thời hạn giải quyết:

- Thời gian thẩm định: Trong thời hạn 25 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
- Thời gian phê duyệt: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

17.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: UBND cấp xã/Cơ quan, đơn vị được giao lập

17.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan tổ chức thẩm định: phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện
- Cơ quan phê duyệt: UBND cấp huyện

17.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt đồ án thiết kế đô thị riêng.

17.8. Phí, lệ phí: Mức thu phí theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng.

17.9. Tên mẫu đơn, tờ khai: Không quy định.

17.10 Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Hồ sơ đồ án thiết kế đô thị riêng trình thẩm định, phê duyệt là các khu vực có phạm vi trên địa bàn huyện, thành, thị, và không thuộc trường hợp quy định của UBND tỉnh.

17.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2010/QH12 ngày 17/6/2009;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch 2018 ngày 20/11/2018;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14;
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;
- Nghị định số 72/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Thông tư số 35/2023/TT-BTC ngày 31/5/2023 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính quy định;
- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 Quy định về nội dung hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

18. Thẩm định, phê duyệt Quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn trên địa bàn huyện.

18.1. Trình tự thực hiện:

- UBND cấp huyện tiếp nhận hồ sơ (nếu hồ sơ đầy đủ và hợp lệ), tổ chức thẩm định, xin ý kiến Sở Xây dựng và cơ quan, đơn vị có liên quan (nếu cần thiết) theo quy định. Tổng hợp ý kiến thẩm định, gửi Cơ quan tổ chức lập quy chế hoàn chỉnh hồ sơ.
- Sau khi có báo cáo tiếp thu, chỉnh sửa hồ sơ của Cơ quan tổ chức lập quy chế, phòng chuyên môn tổ chức thẩm định ban hành Báo cáo kết quả thẩm định trình Lãnh đạo UBND cấp huyện xem xét phê duyệt.

18.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp, trực tuyến qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành của tỉnh Phú Thọ.

18.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

18.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt Quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn;
- Dự thảo Quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn theo quy định;
- Ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư có liên quan về quy chế quản lý kiến trúc; báo cáo tổng hợp giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý;
- Dự thảo quyết định phê duyệt quy chế quản lý kiến trúc;
- Các văn bản pháp lý khác có liên quan.
- Hồ sơ pháp nhân và hồ sơ năng lực của tổ chức tư vấn lập quy chế quản lý kiến trúc.

b) Số lượng hồ sơ trình thẩm định: 01 bộ

18.4. Thời hạn giải quyết:

- Thời gian thẩm định: Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
- Thời gian phê duyệt: Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

18.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: UBND xã/ cơ quan, đơn vị được giao lập Quy chế

18.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan tổ chức thẩm định: Phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện.
- Cơ quan phê duyệt: UBND huyện.

18.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt Quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn.

18.8. Phí, lệ phí: Mức thu phí theo quy định của Bộ Xây dựng.

18.9. Tên mẫu đơn, tờ khai: Không quy định.

18.10 Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Lập Quy chế quản lý kiến trúc tại các khu vực nông thôn trên địa bàn huyện (được UBND tỉnh ủy quyền phê duyệt tại Quyết định số 23/2021/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 về phân cấp lập quy chế quản lý kiến trúc; phê duyệt ban hành quy chế kiến trúc điểm dân cư nông thôn trên địa bàn tỉnh Phú Thọ).

18.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Căn cứ Luật Kiến trúc ngày 13 tháng 6 năm 2019;
- Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020.

19. Thủ tục kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình của cơ quan chuyên môn về xây dựng tại địa phương**19.1. Trình tự thực hiện:**

- Trước 10 ngày so với ngày chủ đầu tư dự kiến tổ chức nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng, chủ đầu tư gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng tới UBND cấp huyện.

- Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc UBND cấp huyện thực hiện kiểm tra các điều kiện nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng. Trường hợp công trình không được kiểm tra trong quá trình thi công thì thực hiện kiểm tra sự tuân thủ các quy định về công tác quản lý chất lượng, an toàn trong thi công xây dựng công trình của chủ đầu tư và các nhà thầu và kiểm tra các điều kiện nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng.

- Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu, Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc UBND cấp huyện ra thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng.

19.2. Cách thức thực hiện:

Trực tiếp, trực tuyến qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành của tỉnh Phú Thọ.

19.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Báo cáo hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng theo Phụ lục VIa Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

- Danh mục hồ sơ hoàn thành công trình theo Phụ lục VIb Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

19.4. Thời hạn giải quyết: 20 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu.

19.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ đầu tư

19.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc UBND cấp huyện căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 52 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP; Quyết định số 12/2021/QĐ-UBND ngày 15/7/2021 của UBND tỉnh Phú Thọ và được quy định trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến của các địa phương.

19.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng theo mẫu quy định tại Phụ lục V Nghị định số 35/2023/NĐ-CP.

19.8. Lệ phí, phí: Không có.

19.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Báo cáo hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng theo mẫu quy định tại Phụ lục VIa Nghị định số 06/2021/NĐ-CP;

- Danh mục hồ sơ hoàn thành công trình theo quy định tại Phụ lục VIb Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

19.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định

19.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng năm 2014;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

- Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

- Quyết định số 12/2021/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2021 của UBND tỉnh Phú Thọ phân cấp một số nội dung quản lý hoạt động đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh.

**MẪU BÁO CÁO HOÀN THÀNH THI CÔNG XÂY DỰNG HẠNG MỤC
CÔNG TRÌNH, CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG**

(Phụ lục VIa ban hành kèm theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của
Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây
dựng và bảo trì công trình xây dựng)

.....(1).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm

**BÁO CÁO HOÀN THÀNH THI CÔNG XÂY DỰNG HẠNG MỤC CÔNG
TRÌNH, CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG**

Kính gửi:(2)

.....(1)..... báo cáo kết quả nghiệm thu hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng với các nội dung sau:

1. Tên hạng mục công trình, công trình xây dựng: ...(3)..... thuộc dự án
2. Địa điểm xây dựng
3. Tên và số điện thoại liên lạc của cá nhân phụ trách trực tiếp:
4. Quy mô hạng mục công trình, công trình xây dựng: (nêu tóm tắt về các thông số kỹ thuật chủ yếu của công trình).
5. Danh sách các nhà thầu (tổng thầu xây dựng, nhà thầu chính: khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng công trình, thi công xây dựng, giám sát thi công xây dựng).
6. Ngày khởi công và ngày hoàn thành (dự kiến).
7. Khối lượng của các loại công việc xây dựng chủ yếu đã được thực hiện.
8. Đánh giá về chất lượng hạng mục công trình, công trình xây dựng so với yêu cầu của thiết kế.
9. Báo cáo về các điều kiện để đưa hạng mục công trình, công trình xây dựng vào sử dụng.
10. Kèm theo báo cáo là danh mục hồ sơ hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng.

Chủ đầu tư cam kết đã tổ chức thi công xây dựng theo đúng hồ sơ thiết kế đã được thẩm định, phê duyệt, giấy phép xây dựng (hoặc căn cứ miễn phép theo quy định của pháp luật); tập hợp hồ sơ hoàn thành công trình đầy đủ và tổ chức nghiệm thu hạng mục công trình, công trình xây dựng theo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị(2)....tổ chức kiểm tra công tác nghiệm thu hạng mục công trình, công trình xây dựng theo thẩm quyền./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu ...

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CHỦ ĐẦU TƯ**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu pháp nhân)

Ghi chú:

- (1) Tên của Chủ đầu tư.
- (2) Cơ quan chuyên môn về xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư theo thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định này.
- (3) Tên hạng mục công trình, công trình xây dựng hoặc phần công trình trong trường hợp đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu từng phần công trình.

MẪU DANH MỤC HỒ SƠ HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH

(Phụ lục VIb ban hành kèm theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng)

I. HỒ SƠ CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ HỢP ĐỒNG

1. Quyết định chủ trương đầu tư xây dựng và Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đầu tư xây dựng (nếu có).
2. Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình và Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng.
3. Nhiệm vụ thiết kế, các văn bản thẩm định, tham gia ý kiến của các cơ quan có liên quan trong việc thẩm định dự án đầu tư xây dựng và thiết kế cơ sở.
4. Phương án đền bù giải phóng mặt bằng và xây dựng tái định cư (nếu có).
5. Văn bản của các tổ chức, cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có) về: thỏa thuận quy hoạch, thỏa thuận hoặc chấp thuận sử dụng hoặc đấu nối với công trình kỹ thuật bên ngoài hàng rào; đánh giá tác động môi trường, đảm bảo an toàn (an toàn giao thông, an toàn cho các công trình lân cận) và các văn bản khác có liên quan.
6. Quyết định cấp đất, cho thuê đất của cơ quan có thẩm quyền hoặc hợp đồng thuê đất đối với trường hợp không được cấp đất.
7. Giấy phép xây dựng, trừ những trường hợp được miễn giấy phép xây dựng.
8. Quyết định chỉ định thầu, phê duyệt kết quả lựa chọn các nhà thầu và hợp đồng xây dựng giữa chủ đầu tư với các nhà thầu.
9. Các tài liệu chứng minh điều kiện năng lực của các nhà thầu theo quy định.
10. Các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư xây dựng.

II. HỒ SƠ KHẢO SÁT XÂY DỰNG, THIẾT KẾ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

1. Nhiệm vụ khảo sát, phương án kỹ thuật khảo sát, báo cáo khảo sát xây dựng công trình.
2. Văn bản thông báo chấp thuận nghiệm thu kết quả khảo sát xây dựng.
3. Kết quả thẩm tra, thẩm định thiết kế xây dựng; quyết định phê duyệt thiết kế xây dựng công trình kèm theo: hồ sơ thiết kế xây dựng công trình đã được phê duyệt (có danh mục bản vẽ kèm theo); chỉ dẫn kỹ thuật.
4. Văn bản thông báo chấp thuận nghiệm thu thiết kế xây dựng công trình.
5. Các văn bản, tài liệu, hồ sơ khác có liên quan đến giai đoạn khảo sát, thiết kế xây dựng công trình.

III. HỒ SƠ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG THI CÔNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

1. Danh mục các thay đổi thiết kế trong quá trình thi công xây dựng công trình và các văn bản thẩm định, phê duyệt của cấp có thẩm quyền
2. Bản vẽ hoàn công (có danh mục bản vẽ kèm theo).
3. Các kế hoạch, biện pháp kiểm tra, kiểm soát chất lượng thi công xây dựng công trình.
4. Các chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa, nhãn mác hàng hóa, tài liệu công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với sản phẩm, hàng hóa; chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy, thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy của cơ quan chuyên ngành; chứng nhận hợp chuẩn (nếu có) theo quy định của Luật chất lượng sản phẩm hàng hóa.
5. Các kết quả quan trắc (nếu có), đo đạc, thí nghiệm trong quá trình thi công.

6. Các biên bản nghiệm thu công việc xây dựng, nghiệm thu bộ phận hoặc giai đoạn công trình (nếu có) trong quá trình thi công xây dựng.
7. Các kết quả thí nghiệm đối chứng, kiểm định chất lượng công trình, thí nghiệm khả năng chịu lực kết cấu xây dựng (nếu có).
8. Hồ sơ quản lý chất lượng của thiết bị lắp đặt vào công trình.
9. Quy trình vận hành, khai thác công trình (nếu có); quy trình bảo trì công trình.
10. Văn bản thỏa thuận, chấp thuận, xác nhận của các tổ chức, cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có) về:
 - a) Di dân vùng lòng hồ, khảo sát các di tích lịch sử, văn hóa;
 - b) An toàn phòng cháy, chữa cháy;
 - c) An toàn môi trường;
 - d) An toàn lao động, an toàn vận hành hệ thống thiết bị công trình, thiết bị công nghệ;
 - đ) Thực hiện Giấy phép xây dựng (đối với trường hợp phải có giấy phép xây dựng);
 - e) Cho phép đấu nối với công trình hạ tầng kỹ thuật và các công trình khác có liên quan;
 - g) Văn bản của cơ quan chuyên môn về xây dựng, quản lý phát triển đô thị về việc hoàn thành các công trình hạ tầng kỹ thuật có liên quan của dự án theo kế hoạch xây dựng nêu tại Báo cáo nghiên cứu khả thi đã được thẩm định, phê duyệt;
 - h) Các văn bản khác theo quy định của pháp luật có liên quan.
11. Hồ sơ giải quyết sự cố công trình (nếu có).
12. Phụ lục các tồn tại cần sửa chữa, khắc phục (nếu có) sau khi đưa hạng mục công trình, công trình xây dựng vào sử dụng.
13. Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng.
14. Văn bản thông báo của cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định này (nếu có).
15. Các hồ sơ, tài liệu có liên quan trong quá trình thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu theo quy định tại Điều 24 Nghị định này (nếu có).
16. Các hồ sơ/ văn bản/ tài liệu khác có liên quan trong giai đoạn thi công xây dựng và nghiệm thu công trình xây dựng.

Ghi chú:

Khi gửi hồ sơ đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 24 Nghị định này, chủ đầu tư chỉ gửi danh mục liệt kê các tài liệu nêu tại Phụ lục này trừ các hồ sơ tài liệu quy định tại khoản 13, 14, 15 Phụ lục này.

MẪU THÔNG BÁO
KẾT QUẢ KIỂM TRA CÔNG TÁC NGHIỆM THU HOÀN THÀNH HẠNG
MỤC CÔNG TRÌNH, CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

(Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/06/2023 của Chính phủ Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng)

.....(1).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm

THÔNG BÁO
KẾT QUẢ KIỂM TRA CÔNG TÁC NGHIỆM THU HOÀN THÀNH HẠNG
MỤC CÔNG TRÌNH, CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Kính gửi: (2)

Căn cứ(3)

Căn cứ giấy phép xây dựng số ... (đối với trường hợp công trình xây dựng phải có giấy phép xây dựng);

Căn cứ vào hồ sơ thiết kế xây dựng công trình và các hồ sơ thiết kế điều chỉnh (nếu có) được thẩm định, phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng;

Căn cứ báo cáo hoàn thành thi công xây dựng của chủ đầu tư số; báo cáo khắc phục tồn tại của chủ đầu tư số... (nếu có); biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình số.....;

Căn cứ văn bản chấp thuận nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy số(nếu có);

Căn cứ các văn bản có liên quan theo quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có);

.....(1)..... chấp thuận kết quả nghiệm thu(4).... của
(2).....đối với công trình/hạng mục công trình như sau:

1. Thông tin về công trình

a) Tên công trình/hạng mục công trình:(5)....

b) Địa điểm xây dựng:

c) Loại và cấp công trình.

d) Mô tả các thông số chính của công trình.

2. Yêu cầu đối với chủ đầu tư

a) Lưu trữ hồ sơ công trình theo quy định.

b) Quản lý, khai thác, vận hành công trình theo đúng công năng, thiết kế được duyệt.

c) Các yêu cầu khác (nếu có).

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu ...

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ/NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu pháp nhân)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan chuyên môn về xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư theo thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định này.
- (2) Tên của chủ đầu tư.
- (3) Văn bản quy phạm pháp luật quy định về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.
- (4) Nghiệm thu hoàn thành hoặc nghiệm thu có điều kiện, nghiệm thu một phần theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 23 Nghị định này.
- (5) Tên công trình/hạng mục công trình và phạm vi được chấp thuận kết quả nghiệm thu.